

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 556/2024/DS-PT

Ngày: 21/11/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 255/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 435/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bảo H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền lại: Ông Lê Văn C, sinh năm 1988. Chức vụ: Chuyên viên QHKHCN (có mặt).

Địa chỉ: Số A T, khu phố C, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1957.

2.2. Bà Thái Thị H1, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Văn N; Thái Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cho ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 vay tiền theo các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ, thẻ tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 27203/22MN/HĐTD, khế ước nhận nợ 27203/22MN/HĐTD/KUNN02, ngày giải ngân 30/5/2023, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 13,50%/năm; thời hạn vay 12 tháng; hạn trả nợ ngày 30/5/2024. Mục đích vay trồng trọt.

Hợp đồng tín dụng số 27204/22MN/HĐTD, khế ước nhận nợ 27204/22MN/HĐTD/KUNN02, ngày giải ngân 30/5/2023, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 13,50%/năm; thời hạn vay 12 tháng; hạn trả nợ ngày 30/5/2024. Mục đích vay nuôi bò giống.

Hợp đồng tín dụng số 4470/23MN/HĐTD, khế ước nhận nợ 4470/23MN/HĐTD/KUNN01, ngày giải ngân 01/3/2023, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm; thời hạn vay 12 tháng; hạn trả nợ ngày 01/3/2024. Mục đích vay bổ sung vốn nuôi bò giống.

Hợp đồng tín dụng số 4470/23MN/HĐTD/PL01, khế ước nhận nợ 4470/23MN/HĐTD/KUNN02, ngày giải ngân 16/11/2023, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm; thời hạn vay 12 tháng; hạn trả nợ ngày 16/11/2024. Mục đích vay bổ sung vốn nuôi bò giống.

Thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx5987, khế ước nhận nợ 498767xxx5987, ngày giải ngân 30/6/2022, số tiền vay 200.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 30/6/2025.

Để bảo đảm tiền vay, ông N và bà H1 có thế chấp cho Ngân hàng diện tích đất 8.783,5m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian vay tiền, ông N, bà H1 không thực hiện trả tiền vay cho Ngân hàng như thỏa thuận. Tính đến ngày 04/7/2024, ông N, bà H1 còn nợ Ngân hàng vốn gốc cộng dồn là 2.717.008.817 đồng (do thẻ tín dụng phát sinh dư nợ gốc); lãi trong hạn 89.483.921 đồng, lãi quá hạn, phí chậm thanh toán 64.440.443 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi là 2.870.933.181 đồng.

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu ông N và bà H1 trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tại Chi nhánh T1 – Phòng G số tiền 2.870.933.181 đồng (trong đó vốn gốc 2.717.008.817 đồng, lãi trong hạn 89.483.921 đồng, lãi quá hạn, phí chậm thanh toán 64.440.443 đồng) tính đến ngày 04/7/2024 và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 cấp ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N ngay khi ông N và bà H1 trả nợ xong cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N và bà H1 không thực hiện trả nợ Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 8.783,5m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn N và Thái Thị H1 trình bày:***

Đại diện theo ủy quyền của ông N và bà H1, thừa nhận ông bà có ký các hợp đồng vay tiền, tổng số tiền vốn 2.700.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông N, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Ông N, bà H1 đồng ý trả cho Ngân hàng Phát triển thành phố H số tiền vốn vay còn nợ chưa thanh toán nhưng xin gia hạn trong thời hạn 06 tháng để bán tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng; không đồng ý trả số tiền lãi cho Ngân hàng.

Bản án sơ thẩm số 255/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

1. Buộc ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh T1 – Phòng G số tiền 2.870.933.181 đồng (*Hai tỷ tám trăm bảy mươi triệu chín trăm ba mươi ba ngàn một trăm tám mươi một đồng*), (trong đó vốn gốc 2.717.008.817 đồng; lãi trong hạn 89.483.921 đồng; lãi quá hạn, phí chậm thanh toán 64.440.443 đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 27203/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 27204/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 4470/23MN/HĐTD ngày 01/3/2023; số 4470/23MN/HĐTD/PL01 ngày 16/11/2023; thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx5987 ngày 30/6/2022 cho đến khi trả xong nợ; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông N và bà H1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải chịu lãi suất vay theo các hợp đồng tín dụng số 27203/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 27204/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 4470/23MN/HĐTD ngày 01/3/2023; số 4470/23MN/HĐTD/PL01 ngày 16/11/2023; thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx5987 ngày 30/6/2022 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tiền.

Ghi nhận Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh T1 – Phòng G trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N cho bà H1 và ông N ngay khi ông N, bà H1 trả nợ xong cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N và bà H1 không trả nợ Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 8.783,5m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 14/8/2024, ông Lê Văn N, bà Thái Thị H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST cho ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 trả dần số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng mỗi tháng 150.000.000đồng, cho đến khi hết nợ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án DSST.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo đương sự nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn N, Thái Thị H1, cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST cho ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 trả dần số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng mỗi tháng 150.000.000đồng, cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét hai bên đương sự đều thừa nhận: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cho ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 vay tiền theo các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ, thẻ tín dụng, tổng cộng là 2.700.000.000đồng; vay có kỳ hạn, trả lãi theo kỳ; ông N, bà H1 đã vi phạm thời hạn trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là đúng sự thật.

Xét các hợp đồng tín dụng số 27203/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 27204/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 4470/23MN/HĐTD ngày 01/3/2023; số 4470/23MN/HĐTD/PL01 ngày 16/11/2023; thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx5987 ngày 30/6/2022 được các bên giao kết có năng lực pháp luật và năng lực hành vi phù hợp; hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật; không trái đạo đức xã hội nên các hợp đồng phát sinh hiệu lực. Trong thời gian vay tiền, ông N, bà H1 không trả tiền vay và lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tại Chi nhánh T1 – Phòng G số tiền 2.870.933.181 đồng (*Hai tỷ tám trăm bảy mươi triệu chín trăm ba mươi ba ngàn một trăm tám mươi một đồng*), (trong đó vốn gốc 2.717.008.817 đồng; lãi trong hạn 89.483.921 đồng; lãi quá hạn, phí chậm thanh toán 64.440.443 đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Xét ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 kháng cáo xin trả dần số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng mỗi tháng 150.000.000đồng, cho đến khi hết nợ. Xét thấy, khi giao kết hợp đồng bên vay cam kết bên vay có nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi đúng thời hạn; các bên không có thỏa thuận điều khoản cho phép bên vay được phép trả dần số tiền nợ vay. Do vậy yêu cầu xin trả dần số tiền nợ vay của

ông N, bà H1 ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của bên cho vay và bên cho vay cũng không đồng ý cho ông N, bà H1 trả dần số tiền nợ. Ông N, bà H1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, bà Thái Thị H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Miễn án phí DSPT cho ông Lê Văn N, bà Thái Thị H1 do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, bà Thái Thị H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 255/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

1. Buộc ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, tại Chi nhánh T1 – Phòng G số tiền 2.870.933.181 đồng (*Hai tỷ tám trăm bảy mươi triệu chín trăm ba mươi ba ngàn một trăm tám mươi một đồng*), (trong đó vốn gốc 2.717.008.817 đồng; tiền lãi trong hạn 89.483.921 đồng; lãi quá hạn, phí chậm thanh toán 64.440.443 đồng tính đến ngày 04/7/2024) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo (ngày 05/7/2024), theo mức lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng số 27203/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 27204/22MN/HĐTD ngày 30/5/2023; số 4470/23MN/HĐTD ngày 01/3/2023; số 4470/23MN/HĐTD/PL01 ngày 16/11/2023; thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx5987 ngày 30/6/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ; thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, Chi nhánh T1 – Phòng G trả lại cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N ngay khi ông N, bà H1 trả nợ xong cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 8.783,5m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02501 ngày 19/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Thái Thị H1 và ông Lê Văn N, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp ngày 16/6/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông Lê Văn N và bà Thái Thị H1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

+ Hoàn lại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 43.392.000 đồng theo biên lai số 0009365 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhàn